

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25 – 8 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị H, sinh năm: 1991; địa chỉ: Ấp Lung B, xã Khánh B, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Ấp Tân B, xã Tân H, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị H và anh Lê Văn T chung sống vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Cái N. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay chị H xin ly hôn anh T.

- Về con chung: Lê Ngọc T1 (nữ), sinh ngày 23/7/2014 và Lê Thị Đông N (nữ), sinh ngày 20/02/2019 đang do chị H nuôi dưỡng, khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Không có.

*** Bị đơn anh Lê Văn T:** Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Võ Thị H và anh Lê Văn T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Cái N vào ngày 08/10/2013 đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị H có yêu cầu ly hôn, anh T không có ý kiến. Do đó, cho thấy trong quá trình chung sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, quan hệ hôn nhân đã không còn tồn tại, nếu tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn anh T

[3] Về con chung: Xét thấy hiện nay hai con chung của anh chị đang do chị H nuôi dưỡng ổn định, anh T không có ý kiến, cháu T1 và N đều có nguyện vọng sống cùng chị H. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu T1 và cháu N cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng: Chị H không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị H xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị H, cho chị Võ Thị H được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Lê Ngọc T1 (nữ), sinh ngày 23/7/2014 và Lê Thị Đông N (nữ), sinh ngày 20/02/2019 cho chị Võ Thị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Lê Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số T1 tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0011772 ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau; chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị H có quyền kháng cáo cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.
Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT và THATAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã Tân H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Biện Thị Nhung

